TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 23/12/2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Ông Mai Thanh Chúc.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-DS, ngày 25/5/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS, ngày 22/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS, ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Nhật H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp Bờ Kinh 1, xã M H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Hữu B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khóm M , thị trấn C , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Nhật H trình bày:

Chị và anh Dương Hữu B là vợ chồng, có cửa hàng kinh doanh thức ăn và thuốc thủy sản. Trong khoảng thời ngày 15/4/2020 đến ngày 26/9/2020 chị và anh B có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Đỗ Thành N, hợp đồng giao kết bằng lời nói, mỗi lần anh N nhận hàng đều có ký tên vào sổ giao nhận, phương thức thanh toán thỏa thuận cho gối đầu, cuối vụ nuôi tôm sẽ thanh toán 01 lần (*khoảng 02 đến 03 tháng*), bởi vì anh N nuôi tôm thẻ chân trắng.

Trong khoảng thời gian thực hiện hợp đồng nêu trên, anh Đỗ Thành N mua thức ăn và thuốc thủy sản nợ số tiền tổng cộng là 325.717.000 đồng. Ngày 10/6/2020 anh N trả được 70.000.000 đồng, đến ngày 20/10/2020 anh B trực tiếp đến nhà anh N đòi nợ, lúc này đang thu hoạch tôm, bà S mẹ ruột anh N trả tiếp 35.000.000 đồng. Sau đó chị và anh B hay tin anh N đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, khi đi anh N không có thông báo hay liên lạc gì cả, nên chị và anh B không biết anh N hiện đang cư trú tại đâu. Từ ngày 20/10/2020 đến nay chị và anh B có đòi nợ nhiều lần nhưng không gặp anh N, điện thoại thì không liên lạc được, gặp bà S thì bà nói không biết số nợ này. Số tiền còn nợ 220.717.000 đồng anh N vẫn còn nợ đến nay chưa trả.

Về chứng cứ để chứng minh anh Đỗ Thành N có thiếu số nợ 220.717.000 đồng gồm: Sổ bán thức ăn đánh bút lục từ số 01 – 11 có chữ ký tên anh Đỗ Thành N; Bản thuyết trình công nợ đề ngày 09/5/2022. Nay chị làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc anh Đỗ Thành N phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 220.717.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Thành N: Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Hữu B trình bày: Anh là chồng của chị Phan Nhật H, qua lời trình bày của chị H, anh thống nhất, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S: Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật, các văn bản tố tụng đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, buộc anh N phải trả 220.717.000 đồng cho chị H, anh B. Buộc anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy anh Đỗ Thành N là bị đơn, bà Trần Thị S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ 02, anh N, bà S đều vắng mặt không lý do. Tại sổ bán thức ăn và thuốc thủy sản có ghi rõ họ tên, địa chỉ và 11 chữ ký tên của anh Đỗ Thành N trong sổ xác nhận số tiền, hàng mua bán, hiện anh N bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho chị H và anh B biết địa chỉ và nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm 9, mục IV, công văn số: 02/TANDTC-PC, ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Xét thấy chị H khởi kiện anh N yêu cầu giải quyết buộc anh N phải trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 220.717.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Xét thấy trong khoảng thời ngày 15/4/2020 đến ngày 26/9/2020 chị H, anh B có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Đỗ Thành N, hợp đồng giao kết bằng lời nói, mỗi lần anh N nhận thức ăn và thuốc thủy sản đều ký tên vào sổ nhận hàng, phương thức thanh toán thỏa thuận cho gối đầu, nợ cuối vụ tôm sẽ thanh toán 01 lần (*khoảng từ 02 đến 03 tháng*), bởi vì anh N nuôi tôm thẻ chân trắng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đỗ Thành N nợ số tiền tổng cộng là 325.717.000 đồng, ngày 10/6/2020 anh N trả được 70.000.000 đồng, đến ngày 20/10/2020 anh B trực tiếp đến gặp anh N để thu tiền, lúc này đang thu hoạch bán tôm nên bà S mẹ ruột anh N trả tiếp 35.000.000 đồng, sau đó chị H, anh B hay tin anh N đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, khi đi anh N không có thông báo hay liên lạc gì cả, nên chị và anh B không biết anh N hiện đang cư trú tại đâu. Từ ngày 20/10/2020

đến nay chị và anh B có đòi nợ nhiều lần nhưng không gặp anh N, điện thoại thì không liên lạc được, gặp bà S thì bà nói không biết số nợ này. Số tiền còn nợ 220.717.000 đồng anh N vẫn còn nợ đến nay chưa trả.

Xét thấy anh Đỗ Thành N có mua thức ăn và thuốc thủy sản của chị H, anh B, anh N đều có ký tên vào sổ nhận hàng có 11 chữ ký tên anh Đỗ Thành N xác nhận số hàng đã nhận và số tiền phải trả cùng với bản thuyết trình công nợ đề ngày 09/5/2022, từ đó đã chứng minh được anh Đỗ Thành N còn có thiếu chị H anh B số nợ 220.717.000 đồng chưa trả là sự thật.

Tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định như sau:

"- Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản…"

Đối chiếu quy định trên, xét thấy anh N còn nợ số tiền 220.717.000 đồng từ ngày 20/10/2020 đến nay không trả cho chị H, anh B là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua. Nay chị H, anh B khởi kiện yêu cầu anh N phải trả 220.717.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về lãi suất chậm trả:* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H, anh B không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Đỗ Thành N phải nộp 5% tiền án phí được tính trên tổng số tiền mà anh N có nghĩa vụ trả cho chị H, anh B. Chị H không phải chịu án phí và sẽ được hoàn trả lại theo quy định.

[5] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là đúng quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 92; các Điều 147, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Nhật H.

- Buộc anh Đỗ Thành N có nghĩa vụ trả 220.717.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng*) cho chị Phan Nhận H và anh Dương Hữu B.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Đỗ Thành N nộp 11.035.850 đồng (*Mười một triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng*) án phí.

- Chị Phan Nhận H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Phan Nhật H 5.697.375 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010849, ngày 23/5/2022 do chị Phan Nhật H đứng tên nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo:

- Chị H, anh B có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Anh N, bà S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- Chi Cục THADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.